

Bản án số: 126/2026/HS-ST

Ngày: 26/3/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG NAI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phước

2. Ông Phạm Đức Nhân

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Xuân Lâm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đồng – Kiểm sát viên.

Ngày 26/3/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 64/2026/TLST-HS ngày 03 tháng 02 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2026/QĐXXST-HS ngày 10/02/2026 đối với bị cáo: Mai Văn B, sinh năm 1977 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 28/8, đường số A, ấp B, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi sinh sống: 28/8, đường số A, ấp B, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Số CMND/thẻ CCCD/Hộ chiếu số: 079077014669, cấp ngày 25/4/2022, nơi cấp: Cục C2 về TTXH; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn T, sinh năm 1922 (đã chết) và bà Lê Thị G, sinh năm 1924 (đã chết); Gia đình bị cáo có 10 (mười) anh chị em; Có vợ tên Nguyễn Thị Hồng T1, sinh năm 1986 và 01 con sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/10/2025 đến ngày 26/10/2025 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giữ.

Bị cáo tại ngoại.

Bị cáo có mặt.

*** Người đại diện hợp pháp của bị hại:**

- Ông Nguyễn Đình S, sinh năm 1959; Địa chỉ: Ấp V, xã L, tỉnh Đồng Nai.

- Ông Nguyễn Đình N, sinh năm 1971; Địa chỉ: Ấp V, xã L, tỉnh Đồng Nai.

- Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1964; Địa chỉ: Ấp V, xã L, tỉnh Đồng Nai.

- Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1964; Địa chỉ: Ấp V, xã L, tỉnh Đồng Nai.

- Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1962; Địa chỉ: Ấp V, xã L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông S, ông N, bà T4, bà T1, ông H: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1963; Địa chỉ: C, tổ B, ấp V, xã L, tỉnh Đồng Nai.

- Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1963; Địa chỉ: C, tổ B, ấp V, xã L, tỉnh Đồng Nai.

- Ông Nguyễn Đình H1, sinh năm 1968; Địa chỉ: Tổ A, ấp V, xã L, tỉnh Đồng Nai.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Trần Sơn C, sinh năm 1969; Địa chỉ: F đường C, khu phố F, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo, bà Phước có mặt. Ông H1, ông C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Mai Văn B có giấy phép lái xe hạng D theo quy định. Vào lúc 13 giờ 14 phút ngày 16/10/2025, B điều khiển xe ô tô biển số 72C – 173.01 lưu thông trên đường L theo hướng xã L đi xã L. Khi lưu thông đến Km 03 + 600 thuộc ấp P, xã L, tỉnh Đồng Nai, B bật đèn xi nhan báo rẽ trái rồi chuyển hướng rẽ trái sang đường không quan sát, cùng lúc bà Nguyễn Thị L điều khiển xe mô tô biển số 60C1 – 466.62 lưu thông trên đường L theo hướng xã L đi xã L chạy tới va chạm với xe ô tô do B điều khiển, vị trí va chạm trên phần đường ưu tiên của bà L làm bà L ngã xuống đường, bà Nguyễn Thị L được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đ và tử vong tại Bệnh viện.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường xác định:

- Hiện trường của đoạn đường xảy ra tai nạn ngày 16/10/2025: Đoạn đường nơi xảy ra tai nạn là đoạn đường thẳng, mặt đường trải nhựa phẳng, có vạch sơn kẻ đường đôi, màu vàng đứt quãng giữa đường phân chia chiều đường lưu thông, mỗi chiều rộng 5,5m.

- Xác định điểm mốc và mép đường chuẩn:

+ Điểm mốc hiện trường là trụ điện số 101A nằm ở lề đường bên trái hướng lưu thông Quốc lộ E đi xã A.

+ Lấy mép đường bên phải đường bên phải theo hướng lưu thông quốc lộ E đi xã A làm mép đường chuẩn để đo vẽ.

- Sau khi xảy ra tai nạn, hiện trường còn để lại các dấu vết, vị trí phương tiện được ghi nhận, mô tả như sau:

Ghi nhận đánh số thứ tự theo số tự nhiên vị trí nạn nhân, phương tiện, tang vật, dấu vết:

(1) Xe ô tô biển số 72C-173.01.

(2) Xe mô tô biển số 60C1-466.62.

- Mô tả theo thứ tự vị trí nạn nhân, phương tiện, tang vật, dấu vết:

(1) Sau tai nạn xe ô tô biển số 72C-173.01 đầu xe quay về hướng mép đường chuẩn, đuôi xe quay về hướng mép đường bên trái hướng lưu thông Quốc lộ E đi xã A.

Đo từ hình chiếu vuông góc xuống mặt đường của tâm trục bánh trước bên phải xe ô tô biển số 72C-173.01 cách mép đường chuẩn là 4,2m.

Đo từ hình chiếu vuông góc xuống mặt đường của tâm trục bánh sau bên phải xe ô tô biển số 72C-173.01 cách mép đường chuẩn là 7,4m, đo đến mốc cố định là 13,6m.

(2) Xe mô tô biển số 60C1-466.62 sau tai nạn ngã về bên phải. Đầu xe quay hướng xã A, đuôi xe quay hướng Quốc lộ E.

Đo từ hình chiếu vuông góc xuống mặt đường của tâm trục bánh trước xe mô tô biển số 60C1-466.62 cách mép đường chuẩn là 3,3m, đo đến tâm trục bánh trước bên phải xe ô tô biển số 72C-173.01 là 1,0m.

Đo từ hình chiếu vuông góc xuống mặt đất của đầu tâm trục bánh sau xe mô tô biển số 60C1-466.62 cách mép đường chuẩn là 3,5m. (Các bút lục số 29-30).

* Tại bản kết luận giám định tử thi số: 117.01/KLGĐTT- TTPYTĐN ngày Ngày 07/11/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh Đ.

Kết luận: Nguyên nhân tử vong của nạn nhân Nguyễn Thị L do đa chấn thương hậu quả của tai nạn giao thông gây ra:

- + Chấn thương ngực: Dập xuất huyết nhu mô thùy dưới hai phổi diện rộng.
- + Chấn thương bụng: Dập gan, dập lách. Xuất huyết nội lượng nhiều.
- + Kết hợp chấn thương gãy xương cẳng chân trái.

Kết luận khác: Kết luận xét nghiệm nồng độ cồn không được thể hiện trong hồ sơ bệnh án.

Tại Bản kết luận giám định số: 5192/KL-KTHS ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh (C09B) đối với giám định dấu vết cơ học giữa xe ô tô biển số 72C-173.01 và xe mô tô biển số 60C1-466.62 kết luận:

1. Xe ô tô biển số 72C-173.01 và xe mô tô biển số 60C1-466.62 có va chạm với nhau. Cơ chế, chiều hướng hình thành các dấu vết va chạm:

Dấu vết trượt xước, gãy vỡ các chi tiết phía trước bên phải xe ô tô biển số 72C-173.01 (ốp đèn, viền khung tản nhiệt, cản trước) có chiều từ trước về sau phù hợp dấu vết trượt xước gãy vỡ các chi tiết phía trước bên trái xe mô tô biển số 60C1-466.62 (ốp đèn xe, ốp đầu xe, cản gương chiếu hậu, mặt nạ, cung chắn bùn trước, bánh trước, ốp phía trên giảm xóc bánh trước) có chiều từ trước về sau, từ trái sang phải.

2. Vị trí va chạm đầu tiên giữa các phương tiện chiếu xuống mặt đường thuộc phần đường bên phải đường L, hướng Quốc lộ E đi xã A.

3. Khi xảy ra va chạm, xe mô tô biển số 60C1-466.62 có trạng thái chuyển động trên đường L hướng từ Quốc lộ E đi xã A; xe ô tô biển số 72C-173.01 có

trạng thái chuyển động từ bên trái sang bên phải so với chiều chuyển động của xe mô tô biển số 60C1-466.62.

4. Không phát hiện thấy dấu vết va chạm giữ hai phương tiện này với vật, phương tiện khác khi xảy ra va chạm.

Về vật chứng thu giữ:

- 01 Giấy phép lái xe hạng D số 790040002288 mang tên Mai Văn B, 01 ô tô biển số 72C-173.01; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 72C-173.01; 01 Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô biển số 72C-173.01.

- 01 xe mô tô biển số 60C1-466.62

Tại bản Cáo trạng số: 154/CT-VKSKV2 ngày 19/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai truy tố bị cáo Mai Văn B để xét xử về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 1, Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2017), các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: Bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và đề nghị HĐXX:

- Xử phạt bị cáo Mai Văn B từ 14 đến 16 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 28 tháng kể từ ngày tuyên án.

* Về xử lý vật chứng: 01 ô tô biển số 72C-173.01; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 72C-173.01; 01 Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô biển số 72C-173.01 Cơ quan điều tra đã trả lại cho người đại diện của chủ sở hữu hợp pháp là ông Trần Sơn C nên đề nghị không xem xét; Đối với xe mô tô biển số 60C1-466.62 Cơ quan điều tra đã trả lại cho người đại diện của chủ sở hữu hợp pháp bị hại chị Nguyễn Thị P nên đề nghị không xem xét; Đối với Giấy phép lái xe hạng D số 790040002288 mang tên Mai Văn B đề nghị Tòa án trả lại cho bị cáo B.

* Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị cáo bồi thường số tiền 50.000.000 đồng, đại diện chủ sở hữu xe ô tô biển số 72C- 173.01 bồi thường số tiền 40.000.000 đồng với tổng số tiền 90.000.000 đồng, đại diện hợp pháp của bị hại đồng ý số tiền bồi thường trên và có đơn bãi nại không truy tố trách nhiệm hình sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Buộc bị cáo chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của bị cáo: Bị cáo thống nhất với bản cáo trạng và truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, Kiểm sát viên viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai, bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình. Bị cáo gửi lời xin lỗi đến gia đình bị hại. Xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại, đương sự và các chứng cứ khác được thu thập trong quá trình điều tra vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đã có đủ cơ sở xác định:

Bị cáo Mai Văn B có giấy phép lái xe hạng D theo quy định. Vào lúc 13 giờ 14 phút ngày 16/10/2025, bị cáo B điều khiển xe ô tô biển số 72C – 173.01 lưu thông trên đường L theo hướng xã L đi L. Khi lưu thông đến Km 03 + 600 thuộc ấp P, xã L, tỉnh Đồng Nai, B bật đèn xi nhan báo rẽ trái rồi chuyển hướng rẽ trái sang đường không quan sát nên va chạm với xe mô tô biển số 60C1 – 466.62 do bà Nguyễn Thị L điều khiển lưu thông trên đường L theo hướng xã L đi xã L gây tai nạn, vị trí va chạm trên phần đường ưu tiên của bà L. Hậu quả, Nguyễn Thị L tử vong tại Bệnh viện Đ.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng và tính mạng của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Hậu quả xảy ra là ngoài ý muốn của bị cáo. Hành vi của bị cáo đã vi phạm quy định tại Điều 15 Luật trật tự an toàn giao thông đường bộ, gây hậu quả chết người.

Do vậy, hành vi của bị cáo Mai Văn B đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017), như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai đã truy tố là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2017), không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, ổn định. Đồng thời, bị cáo thực hiện hành vi nghiêm trọng do vô ý gây thiệt hại về tính mạng của bị hại, sau khi xảy ra tai nạn bị cáo đã tích cực đưa bị hại đi cấp cứu, lo các thủ tục cho bị hại khi cấp cứu trong bệnh viện, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả và được người đại diện theo pháp luật của bị hại tự nguyện hòa giải và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự, mặc dù bị cáo không được xem xét miễn trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), nhưng HĐXX xét thấy cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng đủ nghiêm, để cải tạo bị cáo thành công dân tốt cho xã hội.

[5] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm bồi thường dân sự:

- 01 xe ô tô biển số 72C-173.01; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 72C-173.01; 01 Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô biển số 72C-173.01 Cơ quan điều tra đã trả lại cho người đại diện của chủ sở hữu hợp pháp là ông Trần Sơn C nên không đặt ra xem xét.

- Đối với xe mô tô biển số 60C1-466.62 Cơ quan điều tra đã trả lại cho người đại diện của chủ sở hữu hợp pháp bị hại chị Nguyễn Thị P nên không đặt ra xem xét.

- Đối với Giấy phép lái xe hạng D số 790040002288 mang tên Mai Văn Bình X thấy cần trả lại cho bị cáo B.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Quá trình điều tra bị cáo đã bồi thường cho người đại diện theo pháp luật của bị hại số tiền 50.000.000 đồng, đại diện chủ sở hữu xe ô tô biển số 72C- 173.01 bồi thường số tiền 40.000.000 đồng với tổng số tiền 90.000.000 đồng, đại diện theo pháp luật của bị hại đồng ý số tiền bồi thường trên và có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, không yêu cầu bồi thường gì thêm và ông C không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận phần phù hợp.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Điều 106, 327, 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Áp dụng Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

Áp dụng Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo: Mai Văn B phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

Xử phạt bị cáo Mai Văn B 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm, thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Mai Văn B cho Ủy ban nhân dân xã C, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo Bình bản C1 01 Giấy phép lái xe hạng D số 790040002288 mang tên Mai Văn B.

3. Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện theo pháp luật của bị hại gồm ông Nguyễn Đình S, ông Nguyễn Đình N, bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thị T3, ông Nguyễn Đình H, bà Nguyễn Thị P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện theo pháp luật của bị hại là ông Nguyễn Đình H1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Bị cáo;ĐD bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- VKSND khu vực 2 – Đồng Nai;
- TAND, VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan THA hình sự có thẩm quyền;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Bình

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Bình

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Long Thành;
- TAND, VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan CSĐT công an huyện Long Thành;
- Cơ quan THA hình sự có thẩm quyền;
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bình